

Số: 1456/2018/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 16 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1191/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Vũ Nguyễn Giao Q, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số 10/190I, đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: 1094/6 đường D, Phường E, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 10 năm 2018 bà Vũ Nguyễn Giao Q và ông Nguyễn Minh T thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không chia tài sản chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Nguyễn Giao Q và ông Nguyễn Minh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 15 quyển số 01/2012 đăng ký ngày 14 tháng 02 năm 2012 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Q và ông T không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật

- Về con chung: Có 02 con chung tên là: Nguyễn Gia L, sinh ngày 19/11/2013 và Nguyễn Gia Ln, sinh ngày 18/10/2016.

Bà Vũ Nguyễn Giao Q và ông Nguyễn Minh T cùng thỏa thuận sau khi ly hôn bà Q được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng hai trẻ Nguyễn Gia L và Nguyễn Gia Ln và ông T cấp dưỡng nuôi cả hai con chung mỗi tháng là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), mỗi trẻ 7.500.000 đồng/tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 10/2018. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự khai không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Vũ Nguyễn Giao Q và ông Nguyễn Minh T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Q và ông T đã đóng tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0029978 ngày 23 tháng 08 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; Bà Q và ông T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường B, quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tuyền